

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3140/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 30 tháng 11 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực  
Đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính (TTHC) được chuẩn hóa trong lĩnh vực Đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã.

### **Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị:**

1. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm:

a) Công bố, công khai các TTHC này tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã và trên Trang thông tin điện tử của địa phương;

b) Thực hiện giải quyết các TTHC thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

c) Phối hợp với các Trung tâm hành chính công cấp huyện để thực hiện hoàn thành việc cấu hình các TTHC này trên phần mềm Dịch vụ công của tỉnh.

**2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:**

a) Cập nhật các TTHC được chuẩn hóa tại Quyết định này lên Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định;

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, hoàn chỉnh và trình UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết các TTHC này và hoàn thành việc cấu hình TTHC trên phần mềm Hệ thống xử lý một cửa tập trung của tỉnh;

**2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm:**

a) Cập nhật các TTHC được công bố tại Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

b) Niêm yết công khai các TTHC này trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nội dung công bố các TTHC được chuẩn hóa tại Quyết định này thay thế các nội dung TTHC tương ứng đã được công bố tại Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực Tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC (Văn phòng CP);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP (gửi qua mạng);
- Lãnh đạo VP và CV;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.





Phụ lục

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC THẨM QUYỀN GIAI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**  
(Kèm theo Quyết định số 3140/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ DVCTT	Cơ quan thực hiện
1	Cung cấp dữ liệu đất đai	Trong ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	<b>a) Đối tượng nộp phí:</b> - Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu đất đai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ tài liệu về đất đai trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. - Mức thu phí: + Phí khai thác thông tin về bản đồ các loại với các tỷ lệ (bản đồ quy hoạch sử dụng đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ chuyên đề, bản đồ địa chính, bản đồ 299): 130.000đồng/mảnh + Sao lục các loại hồ sơ đất đai (hộ gia đình, cá nhân): 50.000đồng/hồ sơ + Phí khai thác thông tin đất đai (hồ sơ giao đất, cho thuê đất và thu hồi đất): 120.000đồng/hồ sơ + Cung cấp các điểm tọa độ địa chính cơ sở : 200.000đồng/điểm <b>b) Đối tượng được miễn nộp phí:</b> - Trường hợp cung cấp dữ liệu đất đai để phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh, phục vụ yêu cầu trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc trong tình trạng khẩn cấp, cơ quan cung cấp dữ liệu đất đai có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan. - Bộ Tài nguyên và MT, cơ quan tài nguyên và môi trường ở địa phương, UBND các cấp được cung cấp dữ liệu đất đai không phải trả phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai để thực hiện nhiệm vụ QLNN về đất đai. - Danh mục dữ liệu có trong cơ sở dữ liệu đất đai; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; khung giá đất, bảng giá đất đã công bố; thông tin về các TTHC trong lĩnh vực đất đai; các văn bảnQPPL về đất đai.	3	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã; - Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã.

2	<b>Hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã</b> <b>1.003554</b>	<b>45 ngày</b> (đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện thì được tăng thêm 15 ngày).	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	2	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã; - Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã.
---	---	--	---	-------	---	--

## PHẦN II

### NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

#### **1. Thủ tục cung cấp dữ liệu đất đai**

##### **1.1. Trình tự thực hiện:**

- Người sử dụng đất nộp Phiếu yêu cầu cung cấp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã, phường, thị trấn.

- Cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm ghi đầy đủ thông tin vào Sổ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả và trao Phiếu tiếp nhận và trả kết quả cho người nộp;

- Đối với các trường hợp khai thác dữ liệu cần phải tổng hợp, xử lý trước khi cung cấp thì phải thực hiện bằng hình thức hợp đồng theo quy định của Bộ luật dân sự giữa cơ quan cung cấp dữ liệu đất đai và tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác dữ liệu.

- UBND xã, phường, thị trấn tiếp nhận, xử lý và thông báo nghĩa vụ tài chính (trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính) cho hộ gia đình, cá nhân. Trường hợp từ chối cung cấp dữ liệu thì phải nêu rõ lý do và trả lời cho tổ chức, cá nhân biết.

- Sau khi hộ gia đình, cá nhân thực hiện xong nghĩa vụ tài chính, UBND xã, phường, thị trấn cung cấp dữ liệu đất đai thực hiện cung cấp dữ liệu đất đai theo yêu cầu.

##### **1.2. Cách thức thực hiện:**

Người sử dụng đất nộp Phiếu yêu cầu cung cấp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã, phường, thị trấn.

##### **1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

- Phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai (bản chính);

- Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền (*bản sao hợp lệ*), trừ trường hợp người yêu cầu đăng ký xuất trình bản chính Văn bản ủy quyền thì chỉ cần nộp 01 bản sao để đối chiếu.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

##### **1.4. Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp nhận được yêu cầu trước 15 giờ thì phải cung cấp ngay trong ngày; trường hợp nhận được yêu cầu sau 15 giờ thì cung cấp dữ liệu đất đai được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo;

- Trường hợp yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai dưới hình thức tổng hợp thông tin thì thời hạn cung cấp dữ liệu đất đai được xác định theo thỏa thuận giữa cơ quan cung cấp dữ liệu đất đai và người có yêu cầu bằng hình thức hợp đồng.

##### **1.5. Đối tượng thực hiện TTHC:**

Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

##### **1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND xã, phường, thị trấn.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có).

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã, phường, thị trấn.

- Cơ quan phối hợp (nếu có):

##### **1.7. Kết quả thực hiện TTHC:**

Văn bản tổng hợp thông tin dữ liệu đất đai theo yêu cầu.

##### **1.8. Lệ phí (nếu có):**

Thu theo Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai theo Mẫu số 01/PYC ban hành kèm theo Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Hợp đồng cung cấp dữ liệu đất đai theo mẫu số 02 ban hành Kèm theo Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):** Không

**1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04/3/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;
- Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai.
- Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế./.

Mẫu số 01/PYC  
(Kèm theo Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT  
ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ  
Tài nguyên và Môi trường)  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

<p><b>PHẦN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ</b> Vào sổ tiếp nhận hồ sơ: ..... Giờ ... phút, ngày .../.../... Quyển số ..... Số thứ tự .....</p> <p><b>Người nhận hồ sơ</b> (Ký, ghi rõ họ tên)</p>
--

### PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI

Kính gửi: .....

1. Tên tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu:

.....

Đại diện là ông (bà) ..... Số CMTND/Hộ chiếu .....  
cấp ngày ...../...../..... tại .....; Quốc tịch .....

2. Địa chỉ: .....

.....

3. Số điện thoại .....; fax .....; E-mail: .....

4. Danh mục và nội dung dữ liệu cần cung cấp của Thửa đất số  
....., địa chỉ

*Đánh dấu "X" vào nội dung cần cung cấp thông tin):*

- |   |  |  |
|---|--|--|
| <input type="checkbox"/> Thửa đất <sup>1</sup>          | <input type="checkbox"/> Lịch sử biến động     | <input type="checkbox"/> Hạn chế về quyền      |
| <input type="checkbox"/> Người sử dụng đất <sup>2</sup> | <input type="checkbox"/> Quy hoạch sử dụng đất | <input type="checkbox"/> Giá đất               |
| <input type="checkbox"/> Quyền sử dụng đất              | <input type="checkbox"/> Trích lục bản đồ      | <input type="checkbox"/> Tất cả thông tin trên |
| <input type="checkbox"/> Tài sản gắn liền với đất       | <input type="checkbox"/> Trích sao GCNQSDĐ     |  |
| <input type="checkbox"/> Tình trạng pháp lý             | <input type="checkbox"/> Giao dịch đảm bảo     |  |

5. Mục đích sử dụng dữ liệu:

.....

6. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả: ..... bộ

- |   |  |  |
|---|--|--|
| <input type="checkbox"/> Bản giấy sao chụp    | <input type="checkbox"/> Nhận tại nơi cung cấp | <input type="checkbox"/> Lưu trữ điện tử USB, CD |
| <input type="checkbox"/> Gửi EMS theo địa chỉ | <input type="checkbox"/> Fax                   | <input type="checkbox"/> Email                   |

7. Cam kết sử dụng dữ liệu: Tôi cam đoan không sử dụng dữ liệu được cung cấp trái với quy định của pháp luật và không cung cấp cho bất kỳ bên thứ ba nào khác.

NGƯỜI YÊU CẦU  
(Ký, ghi rõ họ tên  
và đóng dấu nếu là cơ quan, tổ chức)

<sup>1</sup> Dữ liệu Thừa đất bao gồm: Số hiệu thửa đất, số tờ BĐDC, diện tích, địa chỉ.

<sup>2</sup> Dữ liệu Người sử dụng đất bao gồm: Họ tên vợ chồng, năm sinh, CMND, địa chỉ.



Mẫu số 02

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI**

*(Kèm theo Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

.....  
-----  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Số: /HĐCCTT

....., ngày tháng năm .....

**HỢP ĐỒNG  
CUNG CẤP DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI**

- Căn cứ Bộ luật dân sự;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên,

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm ....., tại ....., chúng tôi gồm:

**1. Bên cung cấp dữ liệu (Bên A):**

Cơ sở dữ liệu ..... thuộc .....

Đại diện .....

Chức vụ: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại ....., Fax: ..... Email: .....

**2. Bên yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai (Bên B):**

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Đại diện: .....

Chức vụ: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại ....., Fax: ..... Email: .....

Số tài khoản: .....

Hai bên nhất trí thỏa thuận ký hợp đồng cung cấp dữ liệu đất đai như sau:

**Điều 1. Nội dung hợp đồng:**

*(về việc cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu)*

.....  
.....

**Điều 2. Thời gian thực hiện:**

..... ngày, kể từ ngày ..... tháng ..... năm .....

**Điều 3. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả:**

- Hình thức khai thác, sử dụng: .....
- Khai thác sử dụng thông qua việc truy cập:.....
- Nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp dữ liệu: .....
- Nhận gửi qua đường bưu điện: .....

**Điều 4. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:**

Phí và chi phí phải trả cho việc cung cấp dữ liệu đất đai là: ..... đồng.

(Bằng chữ: ..... đồng)

Trong đó: Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai là: ..... đồng

Phí dịch vụ cung cấp dữ liệu là: ..... đồng

Số tiền đặt trước: ..... đồng

Hình thức thanh toán (*tiền mặt, chuyển khoản*): .....

**Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của hai bên:**

.....  
 .....

**Điều 6. Bổ sung, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng và xử lý tranh chấp:**

.....  
 .....

**Điều 7. Điều khoản chung**

1. Hợp đồng này được làm thành ..... Bản, có giá trị pháp lý ngang nhau, bên A giữ ..... bản, bên B giữ ..... bản.

2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày  
 .....

**BÊN B**

(Ký tên, đóng dấu đối với tổ chức, ghi  
 họ tên đối với cá nhân)

**BÊN A**

(Ký tên, đóng dấu)

## **2. Hoà giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã (1.003554)**

### **2.1. Trình tự thực hiện:**

- Người đề nghị nộp đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm: thẩm tra, xác minh tìm hiểu nguyên nhân phát sinh tranh chấp, thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan do các bên cung cấp về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất.

- Thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai để thực hiện hòa giải. Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân là Chủ tịch Hội đồng; đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn; tổ trưởng tổ dân phố đối với khu vực đô thị; trưởng thôn, ấp đối với khu vực nông thôn; người có uy tín trong dòng họ, ở nơi sinh sống, nơi làm việc; người có trình độ pháp lý, có kiến thức xã hội; già làng, chức sắc tôn giáo, người biết rõ vụ, việc; đại diện của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại xã, phường, thị trấn biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất đó; cán bộ địa chính, cán bộ tư pháp xã, phường, thị trấn. Tùy từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

- Tổ chức cuộc họp hòa giải có sự tham gia của các bên tranh chấp, thành viên Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Việc hòa giải chỉ được tiến hành khi các bên tranh chấp đều có mặt. Trường hợp một trong các bên tranh chấp vắng mặt đến lần thứ hai thì được coi là việc hòa giải không thành.

- Kết quả hòa giải tranh chấp đất đai phải được lập thành biên bản, gồm có các nội dung: Thời gian và địa điểm tiến hành hòa giải; thành phần tham dự hòa giải; tóm tắt nội dung tranh chấp thể hiện rõ về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất đang tranh chấp, nguyên nhân phát sinh tranh chấp (theo kết quả xác minh, tìm hiểu); ý kiến của Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai; những nội dung đã được các bên tranh chấp thỏa thuận, không thỏa thuận được. Biên bản hòa giải phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng, các bên tranh chấp có mặt tại buổi hòa giải, các thành viên tham gia hòa giải và phải đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã; đồng thời phải được gửi ngay cho các bên tranh chấp và lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Sau thời hạn 10 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà các bên tranh chấp có ý kiến bằng văn bản về nội dung khác với nội dung đã thống nhất trong biên bản hòa giải thành thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lại cuộc họp Hội đồng hòa giải để xem xét giải quyết đối với ý kiến bổ sung và phải lập biên bản hòa giải thành hoặc không thành.

- Trường hợp hòa giải thành mà có thay đổi hiện trạng về ranh giới sử dụng đất, chủ sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã gửi biên bản hòa giải thành đến Phòng Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư với nhau; gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các trường hợp khác.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định công nhận việc thay đổi ranh giới thửa đất và cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng.

- Trường hợp hòa giải không thành hoặc sau khi hòa giải thành mà có ít nhất một trong các bên thay đổi ý kiến về kết quả hòa giải thì UBND xã lập biên bản hòa giải

không thành và hướng dẫn các bên tranh chấp gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp tiếp theo.

**2.2. Cách thức thực hiện:**

Người có đơn yêu cầu hòa giải gửi đơn đến UBND cấp xã.

**2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

- Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai (bản chính);

- Giấy tờ, tài liệu liên quan đến nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất...(nếu có) (bản sao).

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**2.4. Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

- Thời hạn giải quyết: không quá 45 ngày; đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện thì được tăng thêm 15 ngày.

**2.5. Đối tượng thực hiện TTHC:**

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân

**2.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã, phường, thị trấn

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn; tổ trưởng tổ dân phố đối với khu vực đô thị; trưởng thôn, ấp đối với khu vực nông thôn; đại diện của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại xã, phường, thị trấn biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất đó; cán bộ địa chính, cán bộ tư pháp xã, phường, thị trấn. Tùy từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường

**2.7. Kết quả thực hiện TTHC:**

- Biên bản hòa giải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng hòa giải, các bên tranh chấp có mặt tại buổi hòa giải, các thành viên tham gia hòa giải (có đóng dấu UBND cấp xã);

- Biên bản hòa giải được gửi cho các bên tranh chấp và lưu tại UBND cấp xã.

**2.8. Lệ phí (nếu có):** Không

**2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND ngày 09/8/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh.

**2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):** Không

**2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

- Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND ngày 09/8/2016 của UBND tỉnh ban hành quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 91/2017/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND ngày 09/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh.

*Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung*



**Mẫu số 02**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND ngày 09/8/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI**  
Kính gửi:.....(1).....

Tôi tên là:.....(2).....

Địa chỉ:.....

Bằng đơn này, đề nghị.....(1)..... giải quyết việc tranh chấp đất đai giữa tôi và .....(3)..... như sau: .....(4).....

Hồ sơ, tài liệu gửi kèm theo:

1. Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai (hòa giải không thành).
2. Giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất.
3. Các giấy tờ liên quan khác (nếu có).

**Người viết đơn**  
(Ký và ghi rõ họ tên))

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai.

(2) Họ tên người tranh chấp (hoặc tên cơ quan, tổ chức tranh chấp).

(3) Tên, địa chỉ của người bị tranh chấp (hoặc tên cơ quan, tổ chức bị tranh chấp).

(4) Ghi rõ nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất hoặc phần diện tích đất đang có tranh chấp, ghi tóm tắt quá trình dẫn đến tranh chấp và yêu cầu (đề nghị) của người tranh chấp.